TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HS-ST
Ngày: 19/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trung Tiến.
2. Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn T1 (Không có tên gọi khác), sinh ngày 24/10/1996, tại tỉnh Đồng Tháp. Số CMND: 312304402.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T2; Vợ, con: Chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/4/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T1: Luật sư Nguyễn Văn T3 – Trưởng văn phòng L1 (có mặt).

Trần Ngọc Minh Q (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 10/3/1990, tại tỉnh Đồng Tháp. CCCD: 082090017338.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị Huỳnh M1; Vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/4/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:*** Phạm Minh T4, sinh ngày 10/11/2002 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

**** Người làm chứng:***

+ Nguyễn Đông H, sinh ngày 22/06/2003 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Võ Minh T5, sinh ngày 05/10/1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Thanh T6, sinh ngày 10/6/1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Võ Hoài Â, sinh ngày 15/3/2004 (vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
+ Trương Văn T7, sinh ngày 24/02/1994 (vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
+ Bùi Thanh P1, sinh ngày 20/02/1987 (vắng mặt).
Nơi thường trú: khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp.
Nơi ở hiện nay: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
+ Trần Hồng T8, sinh ngày 24/08/1988 (vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
+ Trần Thanh B, sinh ngày 16/05/1991 (có đơn xin vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 02/12/2024, nhóm của bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Trần Ngọc Minh Q gồm Trần Hồng T8 (Lãi), Bùi Thanh P1 (P), Trương Văn T7, Võ Hoài Â và một người tên Đ1 (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể) đến karaoke tại phòng VIP8 quán "Đ" thuộc ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Cùng thời điểm này, nhóm của bị hại Phạm Minh T4 gồm Nguyễn Thanh T6 và Nguyễn Đông H đang nhậu tại nhà hàng "Hoa Biển" thuộc ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp thì Võ Minh T5 (T) chạy xe đến nhà hàng H1 để đưa bị hại T4 về nhà. Khi T5 đến quán thì T4 rủ cả nhóm xuống quán Đ2 tiếp tục nhậu với nhóm của T7 do trước đó T7 có điện thoại rủ T4 xuống quán Đ2 để nhậu thì tất cả đồng ý. Khi đến quán Đ2, T4, H vào phòng karaoke tìm T7 còn T5 và T6 thì đứng ở ngoài khu vực phòng hát karaoke. Lúc này T6 nhìn thấy T8 (L) và bị cáo Q đang đứng phía ngoài khu vực phòng hát karaoke nên T6 cầm nón bảo hiểm đến đánh T8 (L) vì trước đó giữa T6 và T8 (Lãi) có xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau, bị cáo Q thấy vậy nên cũng xông vào đánh lại T6. Khi T4, H mở cửa vào phòng karaoke VIP8 thì nghe bên ngoài có đánh nhau nên T4, Hồ đi T9 ra. Bị cáo T1 cũng đi theo ra ngoài và cầm theo 02 (hai) ly thủy tỉnh (loại có quai) trong phòng karaoke do bị cáo T1 biết là sẽ có đánh nhau vì biết trước việc mâu thuẫn giữa T6 và T8. Trong lúc hai bên đánh nhau, bị cáo Q giựt con dao loại dao thái lan của một người bên nhóm bị hại T4 (không biết mặt, họ tên) và dùng dao đâm trúng vào phần vai bên trái của bị hại T4 một cái gây thương tích, bị cáo T1 cầm hai ly uống bia đập trúng vào vùng trán của bị hại T4 một cái gây thương tích. Lúc này, những người trong phòng karaoke cũng chạy ra nơi đánh nhau. Trong lúc T6 xô xát đánh nhau thì bị một người (không biết là ai, tên gì, không biết đặc điểm) dùng vật nhọn đâm trúng vào lưng của T6 gây xây xát nhẹ nên T6 bỏ chạy ra khỏi quán rồi cùng với H ra về; còn bị cáo Q, bị cáo T1, T8 và Đ1 cũng bỏ ra về sau đó. P1, Â, T7 khi nhìn thấy bị hại T4 bị thương nên T7 đưa T4 đến Trung tâm y tế huyện T (nay là Trung tâm Y tế K) cấp cứu.

Quá trình điều tra, bị cáo T1 và bị cáo Q thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

* Bản Kết luận giám định thương tích số 75-2025/KLTTCT-TTPY ngày 19/3/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Phạm Minh T4 là: 54% (năm mươi bốn phần trăm).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đúng tội không oan, sai. Các bị cáo thừa nhận hành vi đánh anh T4 là do tự các bị cáo gây nên, không có bàn bạc từ trước với ai, còn hành vi của những người khác lúc xảy ra vụ án thì các bị cáo không biết. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

Bị hại anh T4 trình bày: Anh xác định bị đánh hai ly thủy tinh vào mặt, bị đâm bằng dao một nhát ở vùng nách, sau đó chảy máu nhiều và bất tỉnh, nên anh không biết sự việc xảy ra sau khi anh bị bất tỉnh. Anh đã nhận 310.000.000 đồng tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

Người làm chứng anh H trình bày: Anh thống nhất như lời khai của bị cáo T1 và bị cáo Q. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKSKV2 ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Ngọc Minh Q về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản đã nêu trên, đồng thời đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Ngọc Minh Q phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo T1 06 đến 07 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 16/4/2025.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Q 05 đến 06 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 16/4/2025.

Về dân sự: Đã thỏa thuận giải quyết xong.

Về vật chứng: Không có.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS và điều 23 nghị quyết 326 buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Bị cáo T1 phạm tội trong tình huống bị hại T4 có hành vi vi phạm pháp luật trước, bị cáo đã bồi thường và hối lỗi sâu sắc, đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 hưởng án thấp nhất là 30 tháng tù giam hoặc được hưởng mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, các bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng là anh Võ Minh T5, Võ Hoài Â, Nguyễn Thanh T6, Trương Văn T7, Bùi Thanh P1, Trần Hồng T8, Trần Thanh B vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, người làm chứng nêu trên có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng nêu trên là phù hợp với Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 02/12/2024, tại sảnh quán Đ2 thuộc ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Nguyễn Văn T1 và Trần Ngọc Minh Q có hành vi dùng dao thái lan, ly thủy tỉnh (là hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho bị hại Phạm Minh T4 với tổng tỷ lệ thương tích là 54%. Do đó các bị cáo Trần Ngọc Minh Q, Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của anh T4 mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Thấy rằng, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Q hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo có vai trò ngang nhau, không có chủ mưu, cầm đầu, bàn bạc từ trước mà nó xuất phát từ những mâu thuẫn tức thì, nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, tuy nhiên thương tích trên người của bị cáo phần lớn là do hành vi dùng ly thủy tinh của bị cáo Q đánh vào mặt bị hại gây nên. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường số tiền 310.000.000 đồng, bị hại T4 không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Sau khi gây án, các bị cáo đã ném hung khí mất, không thể truy tìm được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa đối với tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình phạt.

Lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo T1, Hội đồng xét xử có xem xét đến trong lúc nghị án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các điều 106, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Ngọc Minh Q phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Minh Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2025.

2. Về án phí: Bị cáo T1, bị cáo Q, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo T1, bị cáo Q, bị hại T4 có quyền kháng cáo Bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam Gò Công - Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã, phường (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- NLQ;
- Bộ phận THAHS;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam Gò Công - Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã, phường (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- NLQ;
- Bộ phận THAHS;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kiều Oanh